CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 07/2023/CV-A7	*TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2023*

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: **Công ty Cổ phần Tập đoàn Alpha Seven**
   - Mã chứng khoán: **DL1**
   - Địa chỉ: Lô I3- 6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành Phú Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
   - Điện thoại liên hệ: 028.3736.7187 Fax: 028.3736.7187
   - Email: info@a7group.vn
   - Website: http://www.a7group.vn
2. Nội dung thông tin công bố: Công ty cổ phần Tập đoàn Alpha Seven công bố thông tin
   - Báo cáo tài chính Riêng lẻ năm 2022 đã kiểm toán;
   - Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2022 đã kiểm toán;
   - Công văn giải trình liên quan đến Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022.
3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 31/03/2023 tại đường dẫn:
   - ⇨ *https://a7group.vn/quan-he-co-dong/bao-cao-tai-chinh.html*
   - ⇨ *https://a7group.vn/quan-he-co-dong/giai-trinh-bao-cao-tai-chinh.html*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm
- Báo cáo tài chính Riêng lẻ năm 2022 đã kiểm toán;
- Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2022 đã kiểm toán;
- Công văn Giải trình liên quan Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022.

CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN
TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N:5900437257-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN
TP. THỦ ĐỨC - TP. HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN ĐÌNH TRẠC

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN
DN: C=VN, S=TP Hồ Chí Minh, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5900437257
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2023-03-31 20:50:05
Foxit PhantomPDF Version: 9.7.1

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)
Công ty thành viên của JPA Internaltional
Trụ sở chính : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM
Tel : +84 (28) 3859 4168 **Fax** : +84 (28) 3859 2285
Email : contact@vietvalues.com **Website** : *www.vietvalues.com*

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

MỤC LỤC

	Nội dung	Trang
1.	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 06
2.	Báo cáo soát xét thông tin tài chính (riêng)	07 - 08
3.	Bảng cân đối kế toán (riêng) tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	09 - 10
4.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	11
5.	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (riêng) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	12
6.	Bản thuyết minh báo cáo tài chính (riêng) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	13 - 40

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Alpha Seven đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính (riêng) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán của Công ty.

1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Tập đoàn Alpha Seven (tên cũ là Công ty Cổ phần Tập đoàn Năng lượng tái tạo Việt Nam, sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty Cổ phần, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900437257 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 21/12/2007. Công ty chính thức được đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Alpha Seven theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 19 ngày 20/07/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp và Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi sau đó, với lần đăng ký thay đổi gần nhất là lần thứ 21 ngày 08 tháng 3 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ	: 1.062.360.940.000 đồng.
Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2022	: 1.062.360.940.000 đồng.

Công ty niêm yết trên sàn chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là DL1.

2. Trụ sở hoạt động

2.1 Trụ sở chính hoạt động

Địa chỉ	: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Điện thoại	: +84 (283) 736 7187
Fax	: +84 (283) 736 7187
Mã số thuế	: 5 9 0 0 4 3 7 2 5 7

2.2 Các chi nhánh

Tên chi nhánh	**Địa chỉ**
Bến Xe Gia Lai – Chi Nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Alpha Seven	43 Lý Nam Đế, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Gia Lai.

2.3 *Thông tin về chi nhánh, công ty con và Công ty liên doanh, liên kết*

Thông tin về công ty con tính đến ngày 31/12/2022:

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Ngành nghề kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp		Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
				Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
1.	Công ty TNHH Điện Tử DLG Ansen	Lô I3 - 6, đường N2, Khu Công nghệ cao, phường Tăng Nhơn Phú A, thành phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh	- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng; - Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển; - Sản xuất linh kiện điện tử.	100%	100%	100%	100%	100%	100%
2.	Công ty CP Điện mặt trời DLG Ninh Thuận (*)	Thôn Quán Thẻ 1, xã Phước Minh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận	Đầu tư xây dựng các công trình năng lượng Điện mặt trời – Điện gió; Sản xuất truyền tải điện; Khai thác đá, đất sét; Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ; Lắp đặt máy móc công nghiệp, hệ thống điện.	50,0%	50,0%	50,0%	50,0%	50,0%	50,0%

(*) Ông Nguyễn Đình Trạc là Chủ tịch HĐQT Công ty CP Điện mặt trời DLG Ninh Thuận (bổ nhiệm ngày 02/01/2022) đồng thời là Tổng Giám đốc Công ty.

Thông tin về Công ty liên doanh, liên kết tính đến ngày 31/12/2022:

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Ngành nghề kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp		Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
				Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
1.	Công ty CP Đầu tư Xây dựng Vạn Gia Long	1016, Tạ Quang Bửu, Phường 6, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Bất động sản	49,0%	49,0%	49,0%	49,0%	49,0%	49,0%
2.	Công ty CP BOT và BT Đức Long Đăk Nông	Số 04 Điện Biên Phủ, Tp. Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông	Đầu tư xây dựng công trình giao thông	29,0%	29,0%	29,0%	29,0%	29,0%	29,0%

3. Ngành nghề hoạt động

- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ;
- Vận tải khách đường bộ khác. Chi tiết: Vận tải hành khách theo tuyến cố định;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt). Chi tiết:Vận tải hành khách theo hợp đồng;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết:Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh cơ sở hạ tầng và các dịch vụ có liên quan trong khu công nghiệp, khu đô thị; Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, nhà ở;
- Sản xuất điện: Chi tiết sản xuất điện gió, điện mặt trời …;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ. Chi tiết: Đầu tư xây dựng các bến bãi tại các tỉnh, thành phố trong cả nước; Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe;
- Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành;
- Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh.

4. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

4.1 Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo (riêng) này bao gồm:

Họ và tên	*Chức vụ*	*Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm*	*Ngày miễn nhiệm*
Ông Nguyễn Tân Tiến	Chủ tịch	12/07/2022	
Ông Đoàn Nguyên Tiêu	Chủ tịch	21/06/2020	12/07/2022
Ông Nguyễn Đình Trạc	Phó Chủ tịch	26/06/2021	
Ông Đặng Công Bình	Thành viên	12/07/2022	
Ông Nguyễn Văn Quý	Thành viên	12/07/2022	
Ông Đặng Văn Hậu	Thành viên	26/06/2021	12/07/2022
Ông Lee Tong Hun	Thành viên	21/06/2020	12/07/2022
Ông Bùi Minh Đức	Thành viên	30/06/2019	

4.2 Ban kiểm soát

Ban kiểm soát của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo (riêng) này bao gồm:

Họ và tên	*Chức vụ*	*Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm*	*Ngày miễn nhiệm*
Bà Phạm Thị Giang	Trưởng ban	22/04/2022	
Ông Đỗ Thành Nhân	Trưởng ban	26/06/2021	22/04/2022
Bà Trần Thị Vũ Thuận	Thành viên	22/04/2022	
Bà Hà Thị Thuỳ Trang	Thành viên	22/04/2022	
Bà Vũ Thị Hải	Thành viên	26/06/2021	22/04/2022
Bà Hồ Thị Mỹ Trinh	Thành viên	26/06/2021	22/04/2022

4.3 Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo (riêng) này bao gồm:

Họ và tên	*Chức vụ*	*Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm*	*Ngày miễn nhiệm*
Ông Nguyễn Đình Trạc	Tổng Giám đốc	30/06/2021	
Bà Phạm Thị Bích Loan	Giám đốc chi nhánh	19/07/2022	
Ông Trần Đình Anh Dũng	Giám đốc chi nhánh	17/01/2022	19/07/2022
Ông Chu Sỹ Hoạt	Phó Giám đốc	06/05/2016	
Ông Phạm Tiến Dũng	Phó Giám đốc	14/05/2010	
Bà Hà Thị Phương Oanh	Kế toán trưởng	21/12/2007	

5. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo (riêng) này là Ông Nguyễn Đình Trạc – Tổng Giám đốc.

6. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) và tình hình tài chính (riêng) của Công ty cho năm tài chính kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được thể hiện trong Báo cáo tài chính (riêng) từ trang 09 đến trang 40.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính (riêng) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm cho đến ngày lập Báo cáo (riêng) này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (riêng) giữa niên độ.

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính (riêng) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

9. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính (riêng) phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính (riêng), kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) và lưu chuyển tiền tệ (riêng) của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022. Trong việc lập các Báo cáo tài chính (riêng) này, Ban Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính (riêng);
- Lập Báo cáo tài chính (riêng) trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (riêng).

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính (riêng), tình hình hoạt động (riêng) của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (riêng).

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính (riêng).

10. Phê duyệt các Báo cáo tài chính (riêng)

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính (riêng) đính kèm. Báo cáo tài chính (riêng) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính (riêng) của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) và các luồng lưu chuyển tiền tệ (riêng) cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (riêng).

TM. Ban Tổng Giám đốc

M.S.D.N: 5900437257 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN
TP. THỦ ĐỨC - T.P HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN ĐÌNH TRẠC
Tổng Giám đốc
TP. Thủ Đức, ngày 31 tháng 3 năm 2023.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES®)
Công ty thành viên của JPA International
Trụ sở chính : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM
Tel : +84 (28) 3859 4168 **Fax** : +84 (28) 3859 2289
Email : contact@vietvalues.com **Website** : *www.vietvalues.com*

Số: 2240/23/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính (riêng) kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Alpha Seven (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2023, từ trang 09 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán (riêng) tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (riêng), Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (riêng) và Thuyết minh báo cáo tài chính (riêng) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính (riêng) theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính (riêng) chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính (riêng) không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính Công ty dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện Kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính Công ty của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính Công ty. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính Công ty do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính Công ty trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính Công ty.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính (riêng) đã phản ảnh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính (riêng) của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) và tình hình lưu chuyển tiền tệ (riêng) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (riêng).

Vấn đề khác

Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo kiểm toán rằng, phạm vi của báo cáo tài chính (riêng) này chỉ phản ánh tình hình tài chính (riêng) và các khoản đầu tư theo phương pháp giá gốc của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả kinh doanh (riêng) và tình hình lưu chuyển tiền tệ (riêng) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Việc hợp nhất báo cáo tài chính (riêng) của Công ty với các công ty con không thuộc phạm vi báo cáo này.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2023.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt *(VIETVALUES)*

M.S.D.N: 0303128175 - C.T.T.N.H.H. CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN CHUẨN VIỆT QUẬN 5 - TP. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thanh Hồng - Phó Tổng Giám đốc	**Hoàng Thái Tân – Kiểm toán viên**
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 1512-2023-071-1	*Giấy CNĐKHN kiểm toán số 2817-2020-071-1*
Chữ ký được ủy quyền	

Nơi nhận:
- *Như trên.*
- *Lưu* ***VIETVALUES***.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (RIÊNG)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**478.181.175.256**	**585.249.954.494**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	V.1	**1.063.926.205**	**191.694.352.624**
111	1. Tiền		1.063.926.205	191.694.352.624
120	**II. Đầu tư tài chính ngắn hạn**		**300.000.000.000**	-
121	1. Chứng khoán kinh doanh	V.2	300.000.000.000	-
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		-	-
130	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**		**175.706.352.009**	**391.892.506.435**
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	1.890.531.674	1.882.574.003
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	1.837.000.000	297.055.950.000
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.5a	137.810.932.824	90.203.662.747
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.7a	34.840.587.511	2.896.310.565
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.8	(672.700.000)	(145.990.880)
140	**IV. Hàng tồn kho**	V.6	**645.203.559**	**645.203.559**
141	1. Hàng tồn kho		645.203.559	645.203.559
150	**V. Tài sản ngắn hạn khác**		**765.693.483**	**1.017.891.876**
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.9a	58.502.650	80.193.600
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		707.190.833	937.698.276
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**1.473.085.818.839**	**1.323.832.922.293**
210	**I. Các khoản phải thu dài hạn**		**451.791.434.686**	**284.380.375.307**
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	V.5b	359.350.000.000	229.350.000.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	V.7b	92.441.434.686	55.030.375.307
220	**II. Tài sản cố định**		**28.270.965.690**	**31.659.767.677**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.10	28.069.927.649	31.480.186.709
222	*- Nguyên giá*		*53.790.391.655*	*53.790.391.655*
223	*- Giá trị hao mòn lũy kế*		*(25.720.464.006)*	*(22.310.204.946)*
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.11	201.038.041	179.580.968
228	*- Nguyên giá*		*441.795.000*	*371.795.000*
229	*- Giá trị hao mòn lũy kế*		*(240.756.959)*	*(192.214.032)*
230	**III. Bất động sản đầu tư**	V.12	-	**125.899.963**
231	*- Nguyên giá*		*1.891.892.974*	*1.891.892.974*
232	*- Giá trị hao mòn lũy kế*		*(1.891.892.974)*	*(1.765.993.011)*
240	**IV. Tài sản dở dang dài hạn**		**60.678.502.632**	**60.000.000.000**
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.13	60.678.502.632	60.000.000.000
250	**V. Đầu tư tài chính dài hạn**	V.14	**930.766.434.010**	**947.078.934.010**
251	1. Đầu tư vào công ty con		282.000.000.000	80.000.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		648.766.434.010	867.078.934.010
260	**VI. Tài sản dài hạn khác**		**1.578.481.821**	**587.945.336**
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.9b	1.578.481.821	587.945.336
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**1.951.266.994.095**	**1.909.082.876.787**

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**803.482.885.370**	**775.396.766.730**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**443.282.885.370**	**415.196.766.730**
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.15	9.633.739.114	7.884.000.449
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.16	6.561.304.577	4.590.828.666
314	3. Phải trả người lao động		620.683.561	369.085.152
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.17	25.200.000.000	789.041.096
318	4. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	6.363.636
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	V.18a	653.498.051	943.787.664
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.19a	400.000.000.000	400.000.000.000
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		613.660.067	613.660.067
330	**II. Nợ dài hạn**		**360.200.000.000**	**360.200.000.000**
337	1. Phải trả dài hạn khác	V.18b	200.000.000	200.000.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.19b	360.000.000.000	360.000.000.000
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**	V.20	**1.147.784.108.725**	**1.133.686.110.057**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**		**1.147.784.108.725**	**1.133.686.110.057**
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.062.360.940.000	1.011.773.530.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.062.360.940.000	1.011.773.530.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.049.485.820	1.049.485.820
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		663.498.805	663.498.805
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		83.710.184.100	120.199.595.432
421a	*- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*		*69.612.185.432*	*88.476.319.410*
421b	*- LNST chưa phân phối kỳ này*		*14.097.998.668*	*31.723.276.022*
430	**II. Nguồn kinh phí và quỹ khác**		-	-
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**1.951.266.994.095**	**1.909.082.876.787**

TP. Thủ Đức, ngày 31 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu/Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
HÀ THỊ PHƯƠNG OANH	NGUYỄN ĐÌNH TRẠC

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (RIÊNG)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	VI.1	**13.552.417.576**	**12.959.069.261**
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	**3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**13.552.417.576**	**12.959.069.261**
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	9.626.746.578	10.238.772.801
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**3.925.670.998**	**2.720.296.460**
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	57.365.265.558	34.731.181.021
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	40.667.123.288	789.041.096
23	*- Trong đó: Chi phí lãi vay*		*40.667.123.288*	*789.041.096*
25	8. Chi phí bán hàng	VI.5	693.193.678	713.456.081
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	3.635.875.741	51.492.214
30	**10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**16.294.743.849**	**35.897.488.090**
31	11. Thu nhập khác		-	-
32	12. Chi phí khác		803.214.743	160.782.814
40	**13. Lợi nhuận khác**		**(803.214.743)**	**(160.782.814)**
50	**14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**15.491.529.106**	**35.736.705.276**
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.16	1.393.530.438	4.013.429.254
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	**17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**		**14.097.998.668**	**31.723.276.022**

TP. Thủ Đức, ngày 31 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu/Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
HÀ THỊ PHƯƠNG OANH	NGUYỄN ĐÌNH TRẠC

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (RIÊNG)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

ĐVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**1. Lợi nhuận trước thuế**		**15.491.529.106**	**35.736.705.276**
	2. Điều chỉnh cho các khoản		**3.811.411.070**	**(33.355.805.472)**
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	V.10,V.11,V.1	3.584.701.950	3.580.713.345
03	- Các khoản dự phòng	V.8	526.709.120	(3.000.000.000)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	VI.3	(40.667.123.288)	(34.725.559.913)
06	- Chi phí lãi vay	VI.4	40.367.123.288	789.041.096
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	**3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**19.302.940.176**	**2.380.899.804**
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		295.441.499.772	(293.228.281.437)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		-	-
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		2.281.629.298	(3.996.388.555)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(968.845.535)	(1.090.674)
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		(300.000.000.000)	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(15.956.164.384)	-
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.16	-	(7.747.667.378)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
20	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh***		***101.059.327***	***(302.592.528.240)***
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	V.13,V.11	(748.502.632)	(60.130.000.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	V.5a,V.5b	(393.975.902.809)	(255.146.399.087)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	V.5a,V.5b	216.368.632.732	314.529.876.348
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	V.14	16.312.500.000	(297.500.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	V.14	-	16.000.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	VI.3	(28.688.213.037)	16.138.633.156
30	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư***		***(190.731.485.746)***	***(266.107.889.583)***
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		-	760.000.000.000
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		-	-
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính***		-	***760.000.000.000***
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)**		**(190.630.426.419)**	**191.299.582.177**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu kỳ**	V.1	**191.694.352.624**	**394.770.447**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	**Tiền và tương đương tiền cuối kỳ**	V.1	**1.063.926.205**	**191.694.352.624**

TP. Thủ Đức, ngày 31 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu/Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
HÀ THỊ PHƯƠNG OANH	NGUYỄN ĐÌNH TRẠC

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (RIÊNG)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính (riêng) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Alpha Seven.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Alpha Seven (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

- Dịch vụ vận chuyển hành khách;
- Dịch vụ bến xe, bãi đỗ;
- Sản xuất điện.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ;
- Vận tải khách đường bộ khác. Chi tiết: Vận tải hành khách theo tuyến cố định;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt). Chi tiết: Vận tải hành khách theo hợp đồng;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh cơ sở hạ tầng và các dịch vụ có liên quan trong khu công nghiệp, khu đô thị; Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, nhà ở;
- Sản xuất điện: Chi tiết sản xuất điện gió, điện mặt trời …;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ. Chi tiết: Đầu tư xây dựng các bến bãi tại các tỉnh, thành phố trong cả nước; Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe;
- Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành;
- Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty: 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính (riêng)

Không có đặc điểm kinh doanh nào trong kỳ ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty trong năm.

6. Các Công ty con và Công ty liên doanh, liên kết

Các chi nhánh trực thuộc

Tên chi nhánh	**Địa chỉ**
Bến Xe Gia Lai – Chi Nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Alpha Seven	43 Lý Nam Đế, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Gia Lai.

Công ty con

STT	Tên công ty	Ngành nghề kinh doanh chính	Tại ngày cuối năm			Tại ngày đầu năm		
			Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ hần sở hữu
1.	Công ty TNHH Điện Tử DLG Ansen	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng; sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển; sản xuất linh kiện điện tử.	100%	100%	100%	100%	100%	100%
2.	Công ty CP Điện mặt trời DLG Ninh Thuận (*)	Đầu tư xây dựng các công trình năng lượng Điện mặt trời – Điện gió; Sản xuất truyền tải điện; Khai thác đá, đất sét; Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ; Lắp đặt máy móc công nghiệp, hệ thống điện.	50,0%	50,0%	50,0%	50,0%	50,0%	50,0%

(*) Ông Nguyễn Đình Trạc là Chủ tịch HĐQT Công ty CP Điện mặt trời DLG Ninh Thuận (bổ nhiệm ngày 02/01/2022) đồng thời là Tổng Giám đốc Công ty.

.Công ty liên doanh, liên kết

STT	Tên công ty	Ngành nghề kinh doanh chính	Tại ngày cuối năm			Tại ngày đầu năm		
			Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ hần sở hữu
1.	Công ty CP Đầu tư Xây dựng Vạn Gia Long	Bất động sản	49,0%	49,0%	49,0%	49,0%	49,0%	49,0%
2.	Công ty CP BOT và BT Đức Long Đăk Nông	Đầu tư xây dựng công trình giao thông	29,0%	29,0%	29,0%	29,0%	29,0%	29,0%

7. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 Công ty có 38 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 48 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (riêng).

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Alpha Seven đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (riêng).

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính (riêng)

Báo cáo tài chính (riêng) được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).

- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường

chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản cho vay

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính (riêng) theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên doanh, liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Doanh nghiệp và người mua là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 04 năm 2017 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 48
Máy móc và thiết bị	10 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	4,5 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 – 08 năm.

8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là nhà cửa nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá mà không phải sử dụng trong sản xuất, cung cấp hàng hóa, dịch vụ hoặc sử dụng cho các mục đích quản lý hoặc để bán trong kỳ sản xuất kinh doanh thông thường.

Bất động sản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	15

9. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện tại Công ty là khoản tiền nhận trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán đối với các dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng được phân bổ theo số kỳ mà Công ty đã nhận tiền trước.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu là số vốn thực góp của các cổ đông

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp đã trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại Hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại

Doanh thu cung cấp dịch vụ (Dịch vụ bến bãi, vận chuyển, ...)

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

13. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

14. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm các khoản chi phí hoặc lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính: chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phi góp vốn liên doanh, liên kết.

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

15. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước

Thuế giá trị gia tăng: theo phương pháp khấu trừ.

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% (hai mươi phần trăm) lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh.

Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Đối với hoạt động dự án điện mặt trời trên mái nhà:

- Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 15 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp thì Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Alpha Seven được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho trường hợp thực hiện dự án đầu tư mới thuộc các lĩnh vực: ... sản xuất năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, năng lượng từ việc tiêu hủy chất thải; phát triển công nghệ sinh học. Mức ưu đãi cụ thể như sau:

Áp dụng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn 15 năm (từ năm 2021 đến năm 2035).

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính (riêng) và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc

- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với Chính sách Kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (riêng) của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (RIÊNG) (ĐVT: VNĐ)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	486.253.881	252.741.600
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (*)	577.672.324	191.441.611.024
Cộng	**1.063.926.205**	**191.694.352.624**

(*) Chi tiết Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	500.002.740	-
- Ngân hàng khác	77.669.584	191.441.611.024
Cộng	**577.672.324**	**191.441.611.024**

2. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu	***300.000.000.000***	-		-	-	-
- Công ty CP Đầu Tư Xây Dựng Đức Long Gia Lai	300.000.000.000	-		-	-	
Cộng	**300.000.000.000**	-	-	-	-	-

(*) Là khoản đầu vào Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 18A/NQ-HĐQT-A7 ngày 23/09/2022.

Công ty CP Đầu Tư Xây Dựng Đức Long Gia Lai chưa được giao dịch trên thị trường niêm yết do đó không đủ có cơ sở để xác định giá trị hợp lý tại ngày 31/12/2022.

Biến động đầu tư chứng khoán ngắn hạn

	Đầu năm		Tăng trong năm		Cuối năm	
	Số lượng	Giá trị đầu tư ban đầu	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị đầu tư ban đầu
- Công ty CP Đầu Tư Xây Dựng Đức Long Gia Lai	-	-	10.000.000	300.000.000.000	10.000.000	300.000.000.000
Cộng	**-**	**-**	**10.000.000**	**300.000.000.000**	**10.000.000**	**300.000.000.000**

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Chi tiết	Số cuối năm	Dự phòng	Số đầu năm	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	***346.008.674***	**-**	***155.434.883***	**-**
- CN Chế Biến Gỗ Đức Long Gia Lai - Cty CP Tập Đoàn Đức Long Gia Lai	-	-	63.342.015	-
- Công ty CP Tập Đoàn Đức Long Gia Lai	136.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH Điện Tử DLG Ansen	210.008.674	-	92.092.868	-
Phải thu các khách hàng khác	***1.544.523.000***	***(672.700.000)***	***1.727.139.120***	**-**
- Công ty TNHH MTV Thương Mại Hùng Nhân Gia Lai	1.401.000.000	(672.700.000)	1.101.000.000	-
- Các khách hàng khác	143.523.000	-	626.139.120	-
Cộng	**1.890.531.674**	**(672.700.000)**	**1.882.574.003**	**-**

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	**-**	***191.000.000***
Công ty CP Tập Đoàn Đức Long Gia Lai	-	191.000.000
Trả trước cho các bên khác	***1.837.000.000***	***296.864.950.000***
- Công ty Cổ phần Đầu tư Sơn Tùng	1.260.000.000	-
- Các người bán khác	577.000.000	296.864.950.000
Cộng	**1.837.000.000**	**297.055.950.000**

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn và dài hạn

5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	-	-
Phải thu các tổ chức, cá nhân khác	***119.045.793.624***	***63.492.221.747***
- Hồ Thị Thu [1]	67.384.493.788	30.538.966.746
- Trần Thị Quỳnh [2]	17.200.000.000	17.200.000.000
- Mai Xuân Bình [3]	18.217.399.836	6.317.507.268
- Phạm Thị Thanh Loan [4]	16.243.900.000	-
- Trương Quang Nhơn	-	9.435.747.733
Phải thu về cho vay dài hạn đến hạn	***18.765.139.200***	***26.711.441.000***
- Công Ty TNHH MTV Phạm Linh Gia Lai [5]	18.765.139.200	26.711.441.000
Cộng	**137.810.932.824**	**90.203.662.747**

[1] Là khoản cho Bà Hồ Thị Thu vay theo Hợp đồng vay vốn số 08/2022/HĐCT ngày 01 tháng 07 năm 2022 , thời hạn 12 tháng, lãi suất 7,2%/năm. Cho vay tín chấp.

[2] Là khoản cho Bà Trần Thị Quỳnh theo Hợp đồng vay vốn số 108/HĐCT ngày 20 tháng 11 năm 2021 và các phụ lục hợp đồng kèm theo, thời hạn 12 tháng, lãi suất 7,2%/năm. Cho vay tín chấp.

[3] Là khoản cho Ông Mai Xuân Bình vay theo Hợp đồng vay vốn số 07/2022/HĐCT ngày 01 tháng 07 năm 2022, thời hạn 12 tháng, lãi suất 7,2%/năm. Cho vay tín chấp.

[4] Là khoản cho Bà Phạm Thị Thanh Loan vay theo Hợp đồng vay vốn số 04/HĐCT ngày 01 tháng 03 năm 2022 và các phụ lục hợp đồng kèm theo, thời hạn 12 tháng, lãi suất 7,2%/năm. Cho vay tín chấp.

[5] Là khoản cho vay dài hạn đến hạn trả của Công ty TNHH Công Ty TNHH MTV Phạm Linh Gia Lai *(xem chi tiết mục 4b).*

5b. Phải thu về cho vay dài hạn

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan		-
Phải thu các tổ chức, cá nhân khác	***359.350.000.000***	***229.350.000.000***
- Công ty TNHH MTV Phạm Linh Gia Lai [1]	168.650.000.000	168.650.000.000
- Công ty CP Trồng rừng và Cây CN Đức Long Gia Lai [2]	60.700.000.000	60.700.000.000
- Công Ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku [3]	120.000.000.000	-
- Công ty TNHH Cung Ứng Vật Tư Nguyên Liệu Tây Nguyên [4]	10.000.000.000	-
Cộng	**359.350.000.000**	**229.350.000.000**

[1] Là khoản cho Công Ty TNHH MTV Phạm Linh Gia Lai vay theo Hợp đồng vay vốn số 118/2019/HĐ-CT ngày 25 tháng 8 năm 2019 và các phụ lục hợp đồng kèm theo; Hợp đồng vay vốn số 119/2020/HĐCT ngày 18 tháng 3 năm 2020 và các phụ lục hợp đồng kèm theo. Thời hạn cho vay lần lượt: 36 tháng và 48 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất cho vay: 9%/năm. Cho vay tín chấp.

[2] Là khoản cho Công ty CP Trồng rừng và Cây CN Đức Long Gia Lai vay theo Hợp đồng vay vốn số 118/2020/HĐCT ngày 18 tháng 3 năm 2020 và các phụ lục hợp đồng kèm theo. Thời hạn cho vay: 48 tháng kể từ ngày ký hợp đồng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất cho vay: 9%/năm. Cho vay tín chấp.

(3) Là khoản cho Công Ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku vay theo Hợp đồng vay vốn số 03/2022/HĐCT ngày 03 tháng 01 năm 2022. Thời hạn cho vay: 48 tháng kể từ ngày ký hợp đồng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất cho vay: 9%/năm. Cho vay tín chấp.

(4) Là khoản cho Công ty TNHH Cung Ứng Vật Tư Nguyên Liệu Tây Nguyên vay theo Hợp đồng vay vốn số 02/2022/HĐCT ngày 02 tháng 01 năm 2022, thời hạn 48 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất 9%/năm. Cho vay tín chấp.

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
Chi tiết	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu (1)	645.203.559	-	645.203.559	-
Cộng	**645.203.559**	**-**	**645.203.559**	**-**

(1) Nguyên liệu, vật liệu chủ yếu là tấm pin điện mặt trời.

7. Phải thu ngắn hạn và dài hạn khác

Chủ yếu là lãi dự thu cho vay.

7a. Phải thu ngắn hạn khác

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	***26.186.027.397***	-
- Công ty CP Đầu Tư Xây Dựng Đức Long Gia Lai	62.400.000	-
- Công ty TNHH Điện Tử DLG Ansen (lãi cho vay)	23.627.397	-
- Công ty CP BOT và BT Đức Long Đăk Nông (Cổ tức được chia)	26.100.000.000	-
Phải thu các tổ chức, cá nhân khác	***8.654.560.114***	***2.896.310.565***
- Hồ Thị Thu (lãi cho vay)	4.632.002.559	1.447.100.788
- Mai Xuân Bình (lãi cho vay)	1.511.626.513	174.193.533
-Trương Quang Nhơn (lãi cho vay)	-	965.239.543
- Phạm Thị Thanh Loan (lãi cho vay)	950.525.308	-
- Trần Thị Quỳnh (lãi cho vay)	1.546.343.015	104.370.411
- Các đối tượng khác	14.062.719	1.170.645.833
Cộng	**34.840.587.511**	**2.896.310.565**

7b. *Phải thu dài hạn khác*

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	***2.064.375.501***	***2.064.375.501***
- Công ty CP Tập Đoàn Đức Long Gia Lai (ký quỹ)	2.064.375.501	2.064.375.501
Phải thu các tổ chức, cá nhân khác	***90.377.059.185***	***52.965.999.806***
- Công ty TNHH MTV Phạm Linh Gia Lai (lãi cho vay)	55.868.862.782	36.980.444.498
- Công ty CP trồng rừng và cây CN Đức Long Gia Lai (lãi cho vay)	21.204.081.735	15.247.166.667
- Công Ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku (lãi cho vay)	11.601.205.479	-
- Công ty TNHH Cung Ứng Vật Tư Nguyên Liệu Tây Nguyên (lãi cho vay)	1.702.909.189	738.388.641
Cộng	**92.441.434.686**	**55.030.375.307**

8. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Các bên liên quan		-	-		-	-
Các tổ chức và cá nhân khác		***1.401.000.000***	***728.300.000***		***183.192.291***	***37.201.411***
- Công ty TNHH MTV Thương Mại Hùng Nhân Gia Lai	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	1.401.000.000	728.300.000		-	-
- Lê Phú Hà		-	-	Trên 3 năm	183.192.291	37.201.411
Cộng		**1.401.000.000**	**728.300.000**		**183.192.291**	**37.201.411**

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(145.990.880)	(3.145.990.880)
Trích lập dự phòng bổ sung	(672.700.000)	-
Hoàn nhập dự phòng	145.990.880	3.000.000.000
Số cuối năm	**(672.700.000)**	**(145.990.880)**

9. Chi phí trả trước ngắn và dài hạn

9a. *Chi phí trả trước ngắn hạn*

Chi tiết:	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí bảo hiểm	8.149.331	20.189.733
- Chi phí khác	50.353.319	60.003.867
Cộng	**58.502.650**	**80.193.600**

Tình hình biến động:

	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	80.193.600	163.027.909
- Tăng trong năm	159.156.137	1.344.996.566
- Phân bổ trong năm	(180.847.087)	(1.427.830.875)
Số cuối năm	**58.502.650**	**80.193.600**

9b. Chi phí trả trước dài hạn

Chi tiết:	**Số cuối năm**	**Số đầu năm**
- Chi phí lắp đặt trạm biến áp	178.205.790	224.641.577
- Chi phí sửa chữa	1.280.478.715	303.375.909
- Chi phí khác	119.797.316	59.927.850
Số cuối năm	**1.578.481.821**	**587.945.336**

Tình hình biến động:

	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	587.945.336	504.020.353
- Tăng trong năm	1.513.900.889	308.181.818
- Phân bổ trong năm	(523.364.404)	(224.256.835)
Số cuối năm	**1.578.481.821**	**587.945.336**

10. Tài sản cố định hữu hình

Chi tiết tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình như sau:

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	**24.870.103.899**	**21.095.269.492**	**7.553.203.064**	**271.815.200**	**53.790.391.655**
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm (*)	**24.870.103.899**	**21.095.269.492**	**7.553.203.064**	**271.815.200**	**53.790.391.655**
Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	*460.783.980*	-	*3.203.035.064*	*67.400.000*	*3.731.219.044*
Giá trị hao mòn luỹ kế					
Số đầu năm	**14.048.364.251**	**1.765.823.660**	**6.356.906.864**	**139.110.171**	**22.310.204.946**
Khấu hao trong năm	1.163.179.985	1.760.958.475	435.016.800	51.103.800	3.410.259.060
Giảm trong năm	-	-	-	-	
Số cuối năm	**15.211.544.236**	**3.526.782.135**	**6.791.923.664**	**190.213.971**	**25.720.464.006**
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	***10.821.739.648***	***19.329.445.832***	***1.196.296.200***	***132.705.029***	***31.480.186.709***
Số cuối năm	***9.658.559.663***	***17.568.487.357***	***761.279.400***	***81.601.229***	***28.069.927.649***

(*) Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình thế chấp bảo lãnh nhằm đảm bảo cho các khoản phát hành trái phiếu của Công ty Cổ Phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai (chung cổ đông lớn) tại ngày 31/12/2022 là 3.844.973.694 đồng *(Xem tại mục VII.3)*.

11. Tài sản cố định vô hình

Chi tiết tình hình tăng, giảm tài sản cố định vô hình như sau:

	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	**371.795.000**	**371.795.000**
Tăng trong năm	70.000.000	70.000.000
Tăng do mua mới	*70.000.000*	*70.000.000*
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	**441.795.000**	**441.795.000**
Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	*58.625.000*	*58.625.000*
Giá trị hao mòn luỹ kế		
Số đầu năm	**192.214.032**	**192.214.032**
Khấu hao trong năm	48.542.927	48.542.927
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	**240.756.959**	**240.756.959**
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	***179.580.968***	***179.580.968***
Số cuối năm	***201.038.041***	***201.038.041***

12. Bất động sản đầu tư

Chi tiết tình hình tăng, giảm bất động sản đầu tư như sau:

	Cơ sở hạ tầng	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	**1.891.892.974**	**1.891.892.974**
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm (*)	**1.891.892.974**	**1.891.892.974**
Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-
Giá trị hao mòn luỹ kế		
Số đầu năm	**1.765.993.011**	**1.765.993.011**
Khấu hao trong năm	125.899.963	125.899.963
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	**1.891.892.974**	**1.891.892.974**
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	***125.899.963***	***125.899.963***
Số cuối năm	-	-

Doanh thu và chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thu nhập cho thuê bất động sản đầu tư	1.482.431.806	600.793.260
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong năm	125.899.963	126.239.316
Lãi/(Lỗ) từ kinh doanh bất động sản đầu tư	**1.356.531.843**	**474.553.944**

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Giảm khác	Số cuối năm
Xây dựng cơ bản dở dang					
- Quyền sử dụng đất 97/2 Nguyễn Hữu Cảnh (*)	*60.000.000.000*	-	-	-	*60.000.000.000*
- Xây dựng cơ bản	-	*678.502.632*	-	-	*678.502.632*
Cộng	**60.000.000.000**	**678.502.632**	**-**	**-**	**60.678.502.632**

(*) Là Quyền sử dụng đất tại 97/2 Nguyễn Hữu Cảnh đang trong quá trình xây dựng, được mua theo Hợp đồng mua bán nhà ở và chuyển nhượng Quyền sử dụng đất ở số 003781 vào tháng 10 năm 2021 giữa Bà Trần Thị Lan Phương với Công ty. Công ty đang thực hiện triển khai Dự án Tòa nhà văn phòng tại khu đất này.

14. Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	***282.000.000.000***	**282.000.000.000**	-	***80.000.000.000***	**80.000.000.000**	-
Công ty TNHH Điện Tử DLG Ansen (1)	80.000.000.000	80.000.000.000	-	80.000.000.000	80.000.000.000	-
Công ty CP Điện mặt trời DLG Ninh Thuận (3)	202.000.000.000	202.000.000.000	-			
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	***648.766.434.010***	***648.766.434.010***	-	***867.078.934.010***	***867.078.934.010***	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Vạn Gia Long (2)	447.578.934.010	447.578.934.010	-	447.578.934.010	447.578.934.010	-
Công ty CP Điện mặt trời DLG Ninh Thuận (3)				202.000.000.000	202.000.000.000	-
Công ty CP BOT và BT Đức Long Đăk Nông (4)	201.187.500.000	201.187.500.000		217.500.000.000	217.500.000.000	-
Cộng	**930.766.434.010**	**930.766.434.010**	**-**	**947.078.934.010**	**947.078.934.010**	**-**

(1) Công ty TNHH Điện Tử DLG Ansen hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư số 753412041 do Ban Quản lý các Khu Công nghệ cao Tp. Hồ Chí Minh (cấp lần đầu ngày 31/05/2017 và thay đổi lần thứ nhất này 24 tháng 12 năm 2020). Công ty được đăng ký thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0315016980 cấp lần đầu vào ngày 27/04/2018, thay đổi lần thứ 03 ngày 01/06/2021. Ngành nghề hoạt động chính là là sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng; sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển; sản xuất linh kiện điện tử. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 80.000.000.000 đồng, tương đương 100% vốn điều lệ của Công ty TNHH Điện Tử DLG Ansen (số đầu năm là 80.000.000.000 đồng, tương đương 100% vốn điều lệ).

(2) Công ty CP Đầu tư Xây dựng Vạn Gia Long được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0306050079 ngày 02/10/2008 và thay đổi lần thứ 8 ngày 16/03/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Ngành nghề hoạt động chính là bất động sản. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 4.165.000 cổ phiếu, tương đương 49% vốn điều lệ của Công ty CP Đầu tư Xây dựng Vạn Gia Long (số đầu năm là 4.165.000 cổ phiếu, tương đương 49% vốn điều lệ).

(3) Công ty CP Điện mặt trời DLG Ninh Thuận được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4500619268 ngày 30/11/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp. Ngành nghề hoạt động chính là đầu tư xây dựng các công trình năng lượng Điện mặt trời – Điện gió; sản xuất truyền tải điện; khai thác đá, đất sét; xây dựng công trình đường sắt, đường bộ; lắp đặt máy móc công nghiệp, hệ thống điện. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 10.500.000 cổ phiếu, tương đương 50% vốn điều lệ của Công ty CP Điện mặt trời DLG Ninh Thuận (số đầu năm là 10.500.000 cổ phiếu, tương đương 50% vốn điều lệ).

(4) Công ty CP BOT và BT Đức Long Đăk Nông được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6400192949 ngày 03 tháng 08 năm 2010 và thay đổi lần thứ 09 ngày 27 tháng 03 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông cấp. Ngành nghề hoạt động chính là Đầu tư xây dựng công trình giao thông. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 7.250.000 cổ phiếu, tương đương 29% vốn điều lệ của Công ty CP BOT và BT Đức Long Đăk Nông (số đầu năm là 7.250.000 cổ phiếu, tương đương 29% vốn điều lệ).

(*) Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên thị trường công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom), giá trị hợp lý được xác định bằng chênh lệch giữa giá gốc khoản đầu tư với mức dự phòng. Mức dự phòng được xác định dựa vào Báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

15. Phải trả người bán ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	***1.540.000.000***	-
- Công ty CP Tập Đoàn Đức Long Gia Lai	1.540.000.000	-
Phải trả nhà cung cấp khác	***8.093.739.114***	***7.884.000.449***
- Công ty Cổ Phần VES	7.500.000.000	7.500.000.000
- Các đối tượng khác	593.739.114	384.000.449
Cộng	**9.633.739.114**	**7.884.000.449**

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT	-	-	489.165.335	(489.165.335)	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.013.429.254	-	1.393.530.438	-	5.406.959.692	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	-	800.797.454	(800.797.454)	-	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	568.642.800	-	740.317.298	(171.674.497)	1.137.285.601	-
- Phí, lệ phí, phải nộp khác	8.756.612	-	21.059.284	(12.756.612)	17.059.284	-
Cộng	**4.590.828.666**	**-**	**3.444.869.809**	**(1.474.393.898)**	**6.561.304.577**	**-**

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế như sau :
Hoạt động dự án điện mặt trời trên mái nhà với thuế suất 10%,
Hoạt động khác với thuế suất 20%.
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm này	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	15.491.529.106	35.736.705.276
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(8.506.813.471)	(5.311.843.284)
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.280.686.529	1.188.156.716
+ Chi phí khấu hao xe vượt 1,6 tỷ	*275.016.804*	*275.016.804*
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ khác	*1.005.669.725*	*913.139.912*
- Các khoản điều chỉnh giảm	(9.787.500.000)	(6.500.000.000)
+ Cổ tức từ đầu tư vốn	*(9.787.500.000)*	*(6.500.000.000)*
Thu nhập chịu thuế	7.119.746.500	30.424.861.992
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗ các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	6.984.715.635	30.424.861.992
- Thu nhập tính thuế chịu thuế suất 10%	*34.126.898*	*3.515.020.355*
- Thu nhập tính thuế chịu thuế suất 20%	*6.950.588.737*	*26.909.841.637*
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	10% và 20%	10% và 20%
Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất phổ thông	***1.393.530.438***	***5.733.470.363***
- Thuế TNDN (10%)	*3.412.690*	*351.502.036*
- Thuế TNDN (20%)	*1.390.117.748*	*5.381.968.327*
Thuế TNDN được miễn giảm	-	*(1.720.041.109)*
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	***1.393.530.438***	***4.013.429.254***

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

Là khoản chi phí lãi vay trái phiếu phát hành.

18. Phải trả ngắn hạn và dài hạn khác

18a Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền đặt cọc thuê ki ốt, bến bãi, đặt cọc	328.600.000	421.460.000
- BHXH, BHYT, BHTN	302.436.293	477.750.325
- Phải trả khác	22.461.758	44.577.339
Cộng	**653.498.051**	**943.787.664**

18b. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận ký quỹ, ký cược của Công ty TNHH MTV Kim Khánh về cho thuê mặt bằng.

19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn

19a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi tiết	Giá trị	Giá trị
Trái phiếu phát hành [(1)]	***400.000.000.000***	***400.000.000.000***
- Hồ Minh Thành	80.000.000.000	80.000.000.000
- Hoàng Thị Kim Hiếu	80.000.000.000	80.000.000.000
- Nguyễn Thị Lệ Hòa	80.000.000.000	80.000.000.000
- Nguyễn Thị Út	80.000.000.000	80.000.000.000
- Trần Văn Phương	80.000.000.000	80.000.000.000
Cộng	**400.000.000.000**	**400.000.000.000**
Chi phí phát hành trái phiếu	(300.000.000)	-
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	300.000.000	-
Giá trị còn lại	**400.000.000.000**	**400.000.000.000**

[(1)] Đây là các khoản huy động vốn bằng việc phát hành trái phiếu riêng lẻ theo mệnh giá bằng Đồng Việt Nam bao gồm 2 (hai) Trái Phiếu với tổng mệnh giá là 400.000.000.000 đồng, chi tiết:

- Trái phiếu DL1H2122001: tổng giá trị: 200.000.000.000 đồng, thời hạn 12 tháng, đáo hạn vào ngày 16 tháng 12 năm 2022 và Trái phiếu DL1H2122002: tổng giá trị: 200.000.000 đồng, thời hạn 12 tháng, đáo hạn vào ngày 28 tháng 12 năm 2022. Trái phiếu này đang trong quá trình hoàn thiện thủ tục hoán đổi sang cổ phiếu của Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐTN2022 ngày 22/04/2022 của Công ty.

Lãi suất 8%/năm, lãi vay được thanh toán theo kỳ hạn trả nợ lãi là 6 tháng/lần. Loại trái phiếu: không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và không tài sản đảm bảo.

Mục đích phát hành trái phiếu là tăng quy mô vốn hoạt động và thực hiện chương trình, dự án đầu tư của công ty, cụ thể như sau:

- Mua tối đa 10.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai: 300.000.000.000 đồng.

- Bổ sung vốn lưu động: tối đa 100.000.000.000 đồng.

19.b Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	***360.000.000.000***	***360.000.000.000***	***360.000.000.000***	***360.000.000.000***
Đặng Vũ Bình [1]	70.000.000.000	70.000.000.000	70.000.000.000	70.000.000.000
Nguyễn Thanh Lâm [2]	80.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000
Nguyễn Tuấn Vũ [3]	60.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000
Nguyễn Tường Cọt [4]	80.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000
Võ Thị Thu Hằng [5]	70.000.000.000	70.000.000.000	70.000.000.000	70.000.000.000
Cộng	**360.000.000.000**	**360.000.000.000**	**360.000.000.000**	**360.000.000.000**

[1] Là khoản vay của Ông Đặng Vũ Bình theo Hợp đồng số: 03/HĐMT ngày 21 tháng 10 năm 2021 và các phụ lục kèm theo. Thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất vay: 7%/năm. Tài sản thế chấp: Vay tín chấp.

[2] Là khoản vay của Ông Nguyễn Thanh Lâm theo Hợp đồng số: 01/HĐMT ngày 12 tháng 10 năm 2021 và các phụ lục kèm theo. Thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất vay: 7%/năm. Tài sản thế chấp: Vay tín chấp.

[3] Là khoản vay của Ông Nguyễn Tuấn Vũ theo Hợp đồng số: 02/HĐMT ngày 20 tháng 10 năm 2021 và các phụ lục kèm theo. Thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất vay: 7%/năm. Tài sản thế chấp: Vay tín chấp.

[4] Là khoản vay của Ông Nguyễn Tường Cọt theo Hợp đồng số: 05/HĐMT ngày 29 tháng 10 năm 2021 và các phụ lục kèm theo. Thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất vay: 7%/năm. Tài sản thế chấp: Vay tín chấp.

[5] Là khoản vay của Bà Võ Thị Thu Hằng theo Hợp đồng số: 04/HĐMT ngày 28 tháng 10 năm 2021 và các phụ lục kèm theo. Thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất vay: 7%/năm. Tài sản thế chấp: Vay tín chấp.

20. Vốn chủ sở hữu

20a. *Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (*)	Cộng
Số dư đầu năm trước	**1.011.773.530.000**	**1.049.485.820**	**663.498.805**	**88.476.319.410**	**1.101.962.834.035**
Tăng trong năm trước	-	-	-	31.723.276.022	31.723.276.022
Tăng từ kết quả kinh doanh	-	-	-	*31.723.276.022*	*31.723.276.022*
Giảm trong năm trước	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	**1.011.773.530.000**	**1.049.485.820**	**663.498.805**	**120.199.595.432**	**1.133.686.110.057**
Số dư đầu năm nay	**1.011.773.530.000**	**1.049.485.820**	**663.498.805**	**120.199.595.432**	**1.133.686.110.057**
Tăng trong năm này	50.587.410.000	-	-	14.097.998.668	64.685.408.668
Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	*50.587.410.000*	-	-	-	*50.587.410.000*
Tăng từ kết quả kinh doanh	-	-	-	*14.097.998.668*	*14.097.998.668*
Giảm trong năm này	-	-	-	(50.587.410.000)	(50.587.410.000)
Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	-	-	-	*(50.587.410.000)*	*(50.587.410.000)*
Số dư cuối năm nay	**1.062.360.940.000**	**1.049.485.820**	**663.498.805**	**83.710.184.100**	**1.147.784.108.725**

20b. *Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân chia lợi nhuận*

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	1.011.773.530.000	1.011.773.530.000
+ Vốn góp tăng trong năm	*50.587.410.000*	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	1.062.360.940.000	1.011.773.530.000

20c. *Cổ phiếu*

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	*106.236.094*	*101.177.353*
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	106.236.094	101.177.353
- *Cổ phiếu phổ thông*	*106.236.094*	*101.177.353*
- *Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)*	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	
- *Cổ phiếu phổ thông*	-	-
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	106.236.094	101.177.353
- *Cổ phiếu phổ thông*	*106.236.094*	*101.177.353*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND/CP.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (RIÊNG) (ĐVT: VNĐ)

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu hoạt động bến bãi	10.478.255.077	5.854.837.254
- Doanh thu hoạt động vận chuyển	365.328.188	1.147.775.545
- Doanh thu hoạt động điện mặt trời	2.708.834.311	5.956.456.462
Cộng	**13.552.417.576**	**12.959.069.261**

Trong đó giá trị giao dịch với các bên liên quan năm nay là 1.208.282.198 đồng (năm trước là 821.061.389 đồng) *(xem chi tiết tại thuyết minh VII.2).*

2. Giá vốn hàng bán

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn hoạt động bến bãi	5.715.003.106	5.870.694.746
- Giá vốn hoạt động vận chuyển	1.156.156.316	1.926.812.437
- Giá vốn hoạt động điện mặt trời	2.755.587.156	2.441.265.618
Cộng	**9.626.746.578**	**10.238.772.801**

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Lãi cho vay	47.572.767.770	28.225.559.913
- Lãi tiền gửi không kỳ hạn	4.997.788	5.621.108
- Cổ tức nhận được từ việc đầu tư vốn	9.787.500.000	6.500.000.000
Cộng	**57.365.265.558**	**34.731.181.021**

4. Chi phí tài chính

Là khoản chi phí lãi vay trái phiếu phát hành.

5. Chi phí bán hàng

Là chi phí lương phải trả cho nhân viên.

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí cho nhân viên	1.532.561.306	1.184.919.806
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	679.910.795	675.582.838
- Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	19.276.032
- Dự phòng phải thu khó đòi	672.700.000	-
- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(145.990.880)	(3.000.000.000)
- Các chi phí khác	892.694.520	1.171.713.538
Cộng	**3.635.875.741**	**51.492.214**

7. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

Chỉ tiêu này không trình bày trên Báo cáo tài chính (riêng) của Công ty Cổ phần Tập đoàn Alpha Seven vì đây là Công ty mẹ, và được trình bày trên Báo cáo tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn theo quy định tại khoản 3.19, điều 113 của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	371.110.700	974.100.154
- Chi phí nhân công	3.310.175.136	3.553.756.514
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.584.701.950	3.580.713.345
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.529.768.800	3.296.501.813
- Các chi phí bằng tiền khác	3.306.050.291	2.598.649.270
Cộng	**14.101.806.877**	**14.003.721.096**

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nợ tiềm tàng

Công ty không có khoản nợ tiềm tàng nào sẽ phát sinh tính đến thời điểm phát hành báo cáo này.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Thành viên chủ chốt	Mối quan hệ
Bà Hồ Thị Mỹ Trinh	Thành viên Ban Kiểm soát (miễn nhiệm từ ngày 22/04/2022)
Ông Phạm Tiến Dũng	Phó Giám đốc
Bà Trần Bửu Kiều	Nguyên thành viên BKS Nguyên thành viên BKS (miễn nhiệm từ ngày 26/06/2021)
Ông Nguyễn Tường Cọt	Nguyên thành viên HĐQT, nguyên Giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 30/06/2021)

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Thành viên chủ chốt	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Bà Hồ Thị Mỹ Trinh	Cho vay	-	3.877.003.974
	Lãi cho vay	-	1.261.257.581
	Thu hồi nợ vay	-	39.494.003.974
	Thu hồi lãi vay	-	3.419.411.344
Ông Phạm Tiến Dũng	Tạm ứng	-	8.400.000
	Hoàn tạm ứng	-	14.995.000
	Chi khác	15.700.000	104.454.000
Bà Trần Bửu Kiều	Tạm ứng	-	6.000.000
	Hoàn tạm ứng	-	6.447.953
Ông Nguyễn Tường Cọt	Tạm ứng	-	28.500.000
	Hoàn tạm ứng	-	90.671.000

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt (Ban Giám đốc)

Tiền lương	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
- Ông Nguyễn Tường Cọt	Giám đốc *(miễn nhiệm ngày 30/06/2021)*	-	91.438.462
- Ông Nguyễn Đình Trạc	Tổng Giám đốc	180.000.000	-
- Ông Chu Sỹ Hoạt	Phó Giám đốc	131.880.000	115.005.000
- Ông Phạm Tiến Dũng	Phó Giám đốc	134.280.000	121.905.000
- Bà Hà Thị Phương Oanh	Kế toán trưởng	133.950.000	87.087.500
Cộng		**580.110.000**	**415.435.962**

Trong năm, thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát không phát sinh tiền lương và thù lao tại Công ty.

2b Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
1. Công ty TNHH Global Capital	Cổ Đông lớn (chiếm 17,00% vốn điều lệ)
2. Ông Bùi Pháp	Cổ đông lớn của công ty (chiếm 24,01% vốn điều lệ)
3. Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku	Công ty con nắm giữ đến ngày 6 tháng 12 năm 2021
4. Công ty TNHH Điện Tử DLG Ansen	Công ty con (Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ)

Bên liên quan	Mối quan hệ
5. Công ty CP Điện mặt trời DLG Ninh Thuận	Công ty con (Công ty nắm giữ 50% vốn điều lệ)
6. Công ty CP Đầu tư Xây dựng Vạn Gia Long ("Vạn Gia Long")	Công ty liên kết (Tập đoàn nắm giữ 49% vốn điều lệ)
7. Công ty CP BOT&BT Đức Long Đắk Nông ("BOT Đắk Nông")	Công ty liên kết (Tập đoàn nắm giữ 29% vốn điều lệ)
8. Công ty CP Tập Đoàn Đức Long Gia Lai ("DLG")	Chung cổ đông lớn
9. Chi Nhánh Chế Biến Gỗ Đức Long Gia Lai – Công ty CP Tập Đoàn Đức Long Gia Lai	Chi nhánh trực thuộc DLG
10. Công ty TNHH Đức Long Dung Quất ("Đức Long Dung Quất")	Xây dựng ĐLGL là cổ đông lớn của Đức Long Dung Quất; Công ty là cổ đông lớn của Xây dựng ĐLGL
11. Ông Đặng Công Bình	Người đại diện theo pháp luật (Giám đốc) của DLG Ansen
12. Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai ("Xây dựng ĐLGL")	Công ty là cổ đông lớn của Xây dựng ĐLGL

Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
1. Công ty TNHH Global Capital	Không phát sinh		
2. Ông Bùi Pháp	Không phát sinh		
3. Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku	Không phát sinh		
4. Công ty TNHH Điện Tử DLG Ansen	Doanh thu tiền điện	464.659.625	83.720.789
	Thu tiền điện	385.410.187	1.204.729.613
	Cho vay	10.000.000.000	-
	Thanh toán khoản cho vay	10.000.000.000	-
	Lãi cho vay	23.627.397	-
5. Công ty CP Điện mặt trời DLG Ninh Thuận	Nhận cổ tức trước đầu tư	-	8.000.000.000
6. Công ty CP Đầu tư Xây dựng Vạn Gia Long ("Vạn Gia Long")	Không phát sinh		
7. Công ty CP BOT&BT Đức Long Đắk Nông ("BOT Đắk Nông")	Cổ tức được nhận	26.100.000.000	-
8. Công ty CP Tập Đoàn Đức Long Gia Lai ("DLG")	Thuê ki ốt	1.056.000.000	1.056.000.000

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
	Thuê xe buýt	528.000.000	633.600.000
	Thuê mái nhà	240.000.001	264.000.000
	Cho thuê xe	218.181.818	218.181.819
	Cho vay	-	8.240.600.000
	Lãi cho vay	-	306.893.798
9. Chi Nhánh Chế Biến Gỗ Đức Long Gia Lai – Công ty CP Tập Đoàn Đức Long Gia Lai	Thu tiền điện	514.440.755	519.158.781
10. Công ty TNHH Đức Long Dung Quất	Không phát sinh		
11. Ông Đặng Công Bình	Không phát sinh		
12. Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai ("Xây dựng ĐLGL")	Cho thuê văn phòng	11.000.000	
	khác	62.400.000	

Ngoài ra, Công ty dùng tài sản của Công ty để bảo lãnh nhằm đảm bảo cho khoản phát hành trái phiếu của bên thứ 3 (chung cổ đông lớn) (xem tại mục VII.3).

Ghi chú: Các giá trị giao dịch mua bán trên là giá chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Số dư cuối năm các bên liên quan khác

Số dư cuối năm của các bên liên quan khác đã được trình bày tại Thuyết minh mục V.3, V.4, V.7, V.15.

3. Tài sản đảm bảo

Công trình mở rộng bến xe Đức Long Gia Lai tại đường Lý Nam Đế, phường Trà Bá, Tp. Pleiku, tỉnh Gia Lai (Xem tại mục V.9), Công trình này đã được dùng để bảo lãnh nhằm đảm bảo thanh toán cho khoản phát hành trái phiếu ngày 31/12/2014 của bên thứ 3 (chung cổ đông lớn). Khoản bảo lãnh này đã được Hội đồng quản trị thông qua theo Biên bản họp số 08/BB-HĐQT ngày 05/12/2014.

4. Báo cáo theo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Dịch vụ bến xe, bãi đỗ;
- Dịch vụ vận chuyển hành khách;
- Sản xuất điện.

	Doanh thu dịch vụ bến bãi	Doanh thu dịch vụ vận chuyển	Doanh thu điện mặt trời	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.478.255.077	365.328.188	2.708.834.311	13.552.417.576
Giá vốn hàng bán	5.715.003.106	1.156.156.316	2.755.587.156	9.626.746.578
Lợi nhuận gộp	**4.763.251.971**	**(790.828.128)**	**(46.752.845)**	**3.925.670.998**
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.854.837.254	1.147.775.545	5.956.456.462	12.959.069.261
Giá vốn hàng bán	5.870.694.746	1.926.812.437	2.441.265.618	10.238.772.801
Lợi nhuận gộp	**(15.857.492)**	**(779.036.892)**	**3.515.190.844**	**2.720.296.460**

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

5. Phát hành cổ phiếu để hoán đổi nợ

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐTN2022 ngày 22/04/2022 phê duyệt Phương án hoán đổi khoản nợ 760.000.000.000 đồng (trong đó nợ phát hành trái phiếu 400.000.000.000 đồng, nợ vay dài hạn 360.000.000.000 đồng) thành cổ phần, với tỷ lệ hoán đổi là 10.000 đồng nợ thành 1 cổ phần. Công ty đang thực hiện các thủ tục để thực hiện việc chuyển đổi này. Đến nay, chưa có kết quả của việc chuyển đổi.

6. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính (riêng) không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính (riêng) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

7. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Công ty không có sự kiện nào phát sinh sau năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (riêng).

TP. Thủ Đức, ngày 31 tháng 3 năm 2023.

Người lập biểu/Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
HÀ THỊ PHƯƠNG OANH	NGUYỄN ĐÌNH TRẠC

2240/23/BCKT/AUD.VVALUES